



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thông tin về Công ty

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2007

Quyết định Thành lập số 2319/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương ngày 24 tháng 12 năm 2007 về việc phê duyệt dự án và chuyển đổi Tổng Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Dệt Nam Định thành Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 25 tháng 12 năm 2007

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0600019436 ngày 27 tháng 4 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nam Định cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Miêng	Chủ tịch (từ ngày 21/4/2018)
	Thành viên (đến ngày 20/4/2018)
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Chủ tịch (đến ngày 20/4/2018)
Ông Nguyễn Xuân Vũ	Thành viên
Ông Tạ Minh Tấn	Thành viên (từ ngày 21/4/2018)
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên (từ ngày 21/4/2018)
Bà Nguyễn Thị Khánh	Thành viên (từ ngày 21/4/2018)
Ông Trần Ngọc Khanh	Thành viên (đến ngày 21/4/2018)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Miêng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Ngọc Khanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Vũ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 14/2/2019)
Bà Nguyễn Thị Khánh	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 14/2/2019)
Bà Bùi Minh Hạnh	Giám đốc Điều hành (từ ngày 1/4/2018)
Bà Nguyễn Thị Khánh	Giám đốc Điều hành (đến ngày 14/2/2019)

Trụ sở đăng ký

43 Tô Hiệu
Phường Ngô Quyền
Thành phố Nam Định
Tỉnh Nam Định
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 53 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Ban Giám đốc Tổng Công ty đã thuyết minh các điều kiện liên quan đến đánh giá của Ban Giám đốc về giả định hoạt động liên tục trong Thuyết minh 2(c) của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Nam Định, ngày 30 tháng 3 năm 2019



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2019, được trình bày từ trang 5 đến trang 53.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 18-02-00210-19-2



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0306-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2019

Lại Thùy Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 2040-2018-007-1

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		617.897.707.280	536.765.559.145
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	38.731.411.252	32.958.608.264
Tiền	111		38.731.411.252	32.958.608.264
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.000.000.000	91.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	10.000.000.000	91.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		206.488.925.816	156.298.291.740
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	187.211.186.075	147.336.219.398
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2.229.858.773	4.990.232.471
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	9	8.800.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	10	12.984.288.014	9.590.195.954
Dự phòng phải thu khó đòi	137	11	(4.736.407.046)	(5.618.356.083)
Hàng tồn kho	140	12	350.244.606.483	243.033.111.367
Hàng tồn kho	141		361.350.720.531	248.909.395.355
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(11.106.114.048)	(5.876.283.988)
Tài sản ngắn hạn khác	150		12.432.763.729	13.475.547.774
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17(a)	306.275.976	2.356.794.286
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		9.030.542.187	9.957.878.859
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20(a)	3.095.945.566	1.160.874.629

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)****Mẫu B 01 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		784.352.678.549	756.117.443.400
Tài sản cố định	220		696.557.038.414	371.314.645.936
Tài sản cố định hữu hình	221	13	687.127.211.625	370.810.645.936
<i>Nguyên giá</i>	222		1.254.004.170.786	924.664.024.420
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(566.876.959.161)	(553.853.378.484)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	8.988.826.789	-
<i>Nguyên giá</i>	225		9.154.831.169	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(166.004.380)	-
Tài sản cố định vô hình	227		441.000.000	504.000.000
<i>Nguyên giá</i>	228		698.000.000	698.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(257.000.000)	(194.000.000)
Bất động sản đầu tư	230	15	8.809.692.448	8.881.623.209
<i>Nguyên giá</i>	231		15.156.421.991	14.665.958.408
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(6.346.729.543)	(5.784.335.199)
Tài sản dở dang dài hạn	240		22.723.918.252	327.192.461.567
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	22.723.918.252	327.192.461.567
Đầu tư tài chính dài hạn	250		29.633.951.303	30.291.204.123
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	7(b)	27.085.396.303	28.942.649.123
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7(b)	1.348.555.000	1.348.555.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	254	7(a)	1.200.000.000	-
Tài sản dài hạn khác	260		26.628.078.132	18.437.508.565
Chi phí trả trước dài hạn	261	17(b)	26.370.533.180	17.891.359.562
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	257.544.952	546.149.003
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.402.250.385.829	1.292.883.002.545

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.177.356.016.805	1.070.375.344.748
Nợ ngắn hạn	310		670.416.695.369	556.546.152.431
Phải trả người bán ngắn hạn	311	19	99.952.862.000	164.328.915.454
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		3.365.406.792	3.226.617.931
Thuế và các khoản phải nộp				
Nhà nước	313	20(b)	3.217.957.829	2.815.686.273
Phải trả người lao động	314		18.941.367.765	20.439.482.480
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	2.338.362.789	1.925.132.832
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	528.145.243	537.236.155
Phải trả ngắn hạn khác	319	23(a)	6.254.481.811	3.741.724.417
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24(a)	533.291.807.204	357.373.406.250
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	2.526.303.936	2.157.950.639
Nợ dài hạn	330		506.939.321.436	513.829.192.317
Phải trả người bán dài hạn	331	19	16.977.649.431	23.013.139.257
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	22	11.308.038.143	11.836.183.386
Phải trả dài hạn khác	337	23(b)	14.331.923.822	26.331.923.822
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24(b)	463.528.009.283	452.647.945.852
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	18	793.700.757	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		224.894.369.024	222.507.657.797
Vốn chủ sở hữu	410	26	224.894.369.024	222.507.657.797
Vốn cổ phần	411	27	136.000.000.000	136.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		136.000.000.000	136.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(12.175.488)	(12.175.488)
Quỹ đầu tư phát triển	418	29	61.351.352.992	24.431.528.988
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.998.449.579	48.020.060.411
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		1.449.190.727	10.425.166.811
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		12.549.258.852	37.594.893.600
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		13.556.741.941	14.068.243.886
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.402.250.385.829	1.292.883.002.545

Ngày 30 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Trần Quang Thắng
 Người lập

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2018 VND	2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	31	1.040.952.567.592	844.134.272.490
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	31	569.692.184	24.240.328
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	31	1.040.382.875.408	844.110.032.162
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	32	935.113.056.889	773.441.172.820
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		105.269.818.519	70.668.859.342
Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	7.991.331.461	10.911.470.825
Chi phí tài chính	22	34	60.165.543.889	35.937.423.903
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		42.867.475.514	31.507.491.626
Phần lãi trong công ty liên kết	24		13.703.601.142	11.383.231.366
Chi phí bán hàng	25	35	12.404.860.691	12.614.717.298
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	35.576.146.708	31.902.064.827
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		18.818.199.834	12.509.355.505
Thu nhập khác	31		1.775.921.001	36.646.931.976
Chi phí khác	32		1.210.625.927	2.381.530.567
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		565.295.074	34.265.401.409
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		19.383.494.908	46.774.756.914
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	4.306.102.408	7.407.643.266
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	38	1.082.304.808	529.689.908
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		13.995.087.692	38.837.423.740
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		12.461.772.818	37.594.893.600
Cổ đông không kiểm soát	62		1.533.314.874	1.242.530.140
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39	916	2.764

Ngày 30 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Trần Quang Thắng
Người lập

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	19.383.494.908	46.774.756.914
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	56.913.253.112	37.955.460.459
Các khoản dự phòng	03	4.347.881.023	4.073.130.036
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(1.978.689.787)	(35.842.338)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(16.983.379.141)	(18.217.481.289)
Chi phí lãi vay	06	42.867.475.514	31.507.491.626
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	(34.338.098.436)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	104.550.035.629	67.719.416.972
Biến động các khoản phải thu	09	(47.215.457.691)	(4.218.042.329)
Biến động hàng tồn kho	10	(117.046.660.134)	16.836.687.492
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(48.600.197.507)	36.776.943.744
Biến động chi phí trả trước	12	1.996.419.983	9.668.412.006
		(106.315.859.720)	126.783.417.885
Tiền lãi vay đã trả	14	(37.468.155.450)	(31.002.174.520)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.346.455.844)	(9.981.223.311)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	976.416.320
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.338.452.340)	(1.248.068.101)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(148.468.923.354)	85.528.368.273

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2018 VND	2017 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(111.073.392.252)	(348.499.435.994)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	1.790.690.791	4.619.250.675
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(27.050.000.000)	(102.050.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	105.450.000.000	132.442.729.421
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(2.159.240.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	6.813.188.257	685.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	7.094.086.447	12.499.717.829
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(19.134.666.757)	(300.302.738.069)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông không kiểm soát	31	2.684.500.000	-
Tiền thu từ đi vay	33	1.110.012.510.523	1.248.555.996.389
Tiền trả nợ gốc vay	34	(930.339.073.649)	(1.004.073.403.335)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(404.290.695)	-
Tiền trả cổ tức	36	(8.569.899.096)	(8.848.457.741)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	173.383.747.083	235.634.135.313
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	5.780.156.972	20.859.765.517
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	32.958.608.264	12.331.846.339
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(7.353.984)	(233.003.592)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	38.731.411.252	32.958.608.264

Ngày 30 tháng 3 năm 2019

Người lập:



Trần Quang Thắng
 Người lập

Người duyệt:



Vũ Ngọc Tuấn
 Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Miêng
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 bao gồm Công ty và các công ty con và các lợi ích của Tổng Công ty trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tổng Công ty và các công ty con là:

- Sản xuất sợi các loại, chỉ các loại;
- Sản xuất vải dệt thoi;
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Hoàn thiện sản phẩm dệt: in, nhuộm màu, giặt, hồ, chống thấm, phòng co;
- Sản xuất hàng may sẵn, quần áo các loại;
- Sản xuất các loại hàng dệt khác: khăn bông; các sản phẩm dệt, may khác;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Buôn bán chuyên doanh khác: mua bán sơ, sợi, bông, khăn, hóa chất, thuốc nhuộm, bột hồ, phụ tùng máy móc thiết bị ngành sợi, dệt may;
- Buôn bán tổng hợp: mua bán các sản phẩm ngành sợi, dệt, may;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, ký túc xá công nhân;
- Dịch vụ ăn uống khác: dịch vụ cơm ca công nhân;
- Cho thuê máy móc, thiết bị ngành sợi, dệt, may, xây dựng và đồ dùng hữu hình khác;
- Dạy nghề: sợi, dệt, may (ngắn hạn);
- Xây dựng nhà các loại, các công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước; thoát nước và xử lý nước thải;
- Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản: dịch vụ cho thuê ki ốt; văn phòng, nhà xưởng, ga ra ô tô;
- Cho thuê ô tô con, ô tô tải, ô tô chở khách;
- Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì;
- Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao; và
- Kinh doanh máy tính và thiết bị văn phòng, phần mềm máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy tính và thiết bị văn phòng khác bao gồm dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và làm đại lý bưu chính viễn thông.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty và các công ty con là nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có các công ty con và các công ty liên kết sau:

STT	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết		
		31/12/2018	1/1/2018	
Công ty con				
1	Công ty CP Thương mại Dịch vụ Dệt Nam Định	Sản xuất và mua bán bông, sợi, vải, sợi, quần áo, vật tư và nguyên phụ liệu ngành dệt may.	52,52%	52,52%
2	Công ty TNHH MTV Chăn len Dệt May Nam Định	Sản xuất, mua bán chăn, vải, sợi, len, sản phẩm từ sợi len và quần áo may sẵn.	100,00%	87,78%
3	Công ty CP Dệt khăn Dệt May Nam Định (i)	Sản xuất kinh doanh các loại khăn, quần áo, vải và sợi.	62,58%	86,34%
4	Công ty CP May IV Dệt May Nam Định	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	53,46%	53,46%
5	Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định	Sản xuất sợi, vải dệt thoi, vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác.	90,88%	90,88%
6	Công ty CP May V Dệt May Nam Định (ii)	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	-	78,65%
7	Công ty CP Sợi Thanh Châu Dệt May Nam Định (iii)	Sản xuất kinh doanh vải, sợi và quần áo may sẵn.	-	89,00%
Công ty liên kết				
1	Công ty CP May I Dệt May Nam Định (i)	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	36,00%	41,82%
2	Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định (i)	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc sở hữu hoặc đi thuê.	36,92%	36,92%
3	Công ty CP May V Dệt May Nam Định (ii)	Sản xuất kinh doanh vải, sợi, khăn và quần áo may sẵn.	36,00%	-

(i) Trong năm, các công ty con và liên kết này phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Tỷ lệ vốn cổ phần mua thêm của Tổng Công ty không tăng tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại công ty này. Theo đó, quyền biểu quyết và sở hữu của Tổng Công ty tại các công ty này giảm xuống.

(ii) Đây là công ty con được chuyển thành công ty liên kết trong năm (Thuyết minh 5).

(iii) Đây là công ty con được thanh lý trong năm (Thuyết minh 5).

Các công ty con và các công ty liên kết đều được thành lập tại Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty có 2.305 nhân viên (1/1/2018: 2.739 nhân viên).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 52.519 triệu VND (1/1/2018: 19.781 triệu VND). Hơn nữa, Tổng Công ty và các công ty con có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 24(a)). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản tùy thuộc vào kết quả kinh doanh trong vòng 12 tháng kế tiếp nhằm tiếp tục cung cấp các nguồn thu về tài chính cần thiết, giúp Tổng Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tổng Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, Ban Giám đốc tin rằng kết quả kinh doanh trong vòng 12 tháng kế tiếp sẽ đảm bảo được nguồn tài chính cần thiết cho Tổng Công ty.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tổng Công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng Công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tổng Công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tổng Công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty liên kết. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tổng Công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tổng Công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tổng Công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tổng Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tổng Công ty tại công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản/bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tổng Công ty và các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty và các công ty con khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tổng Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 50 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm

(h) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tổng Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g).

(i) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 8 năm.

(j) Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 50 năm
-----------	------------

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng chưa hoàn thành và máy móc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tổng Công ty và các công ty con đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian trả trước của hợp đồng thuê đất.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tổng Công ty và các công ty con nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) Chi phí thuê máy móc và thiết bị

Chi phí thuê máy móc và thiết bị gồm tiền thuê máy móc trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng máy móc thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê máy móc.

(iv) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian 3 năm.

(m) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Doanh thu dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(v) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(vi) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Tổng Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc xác định rằng Tổng Công ty và các công ty con hoạt động chủ yếu trong một lĩnh vực kinh doanh duy nhất đó là sản xuất, gia công và kinh doanh các mặt hàng dệt may bao gồm sợi, chỉ, sợi len, chỉ khâu, chăn, khăn cotton, quần áo may sẵn.

Bộ phận chia theo vùng địa lý của Tổng Công ty được xác định căn cứ vào quốc gia phát sinh doanh thu. Ban Giám đốc Tổng Công ty đánh giá khu vực địa lý phát sinh trên 10% tổng doanh thu là một bộ phận cần được báo cáo.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty hoặc các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

Tổng Công ty và các công ty con có các bộ phận chia theo vùng địa lý, dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

- Việt Nam;
- Trung Quốc;
- Hàn Quốc;
- Ấn Độ;
- Hoa Kỳ;
- Nhật Bản; và
- Các vùng địa lý khác

	Việt Nam Nghìn VND	Trung Quốc Nghìn VND	Hàn Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nga Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018							
Tổng doanh thu của bộ phận	440.423.505	325.029.347	145.510.205	44.394.019	43.393.200	42.202.292	1.040.952.568
Kết quả kinh doanh của bộ phận	51.178.527	22.968.491	11.774.602	7.492.720	7.087.234	4.768.245	105.269.819
Chi phí không phân bổ (thuần)							(86.451.619)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh							18.818.200
Thu nhập khác							1.775.921
Chi phí khác							(1.210.626)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp							(5.388.407)
Lợi nhuận thuần sau thuế							13.995.088

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Việt Nam Nghìn VND	Trung Quốc Nghìn VND	Hàn Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nga Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018							
Tài sản của bộ phận	157.921.121	22.162.280	8.002.249	-	-	1.355.395	189.441.045
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ							1.212.809.341
Tổng tài sản							1.402.250.386
Nợ phải trả của bộ phận	73.036.812	14.749.906	706.075	-	-	14.825.476	103.318.269
Các khoản nợ không phân bổ							1.074.037.748
Tổng nợ phải trả							1.177.356.017
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018							
Chi tiêu vốn							111.073.392
Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định thuê tài chính và bất động sản đầu tư							54.729.213
Khấu hao tài sản cố định vô hình							63.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Việt Nam Nghìn VND	Trung Quốc Nghìn VND	Hàn Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017							
Tổng doanh thu của bộ phận	416.624.544	226.975.045	108.789.630	16.098.170	60.232.096	15.414.787	844.134.272
Kết quả kinh doanh của bộ phận	33.473.433	8.012.703	15.562.947	2.437.784	7.890.934	3.291.058	70.668.859
Chi phí không phân bổ (thuần)							(58.159.503)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh							12.509.356
Thu nhập khác							36.646.932
Chi phí khác							(2.381.531)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp							(7.937.333)
Lợi nhuận thuần sau thuế							38.837.424

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Việt Nam Nghìn VND	Trung Quốc Nghìn VND	Hàn Quốc Nghìn VND	Hoa Kỳ Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Các vùng địa lý khác Nghìn VND	Hợp nhất Nghìn VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017							
Tài sản của bộ phận	132.921.135	7.179.394	5.941.401	570.028	3.017.377	2.697.117	152.326.452
Giá trị còn lại tài sản không phân bổ							1.140.556.551
Tổng tài sản							1.292.883.003
Nợ phải trả của bộ phận	71.606.541	4.749.390	420.276	-	-	90.779.326	167.555.533
Các khoản nợ không phân bổ							902.819.812
Tổng nợ phải trả							1.070.375.345
Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017							
Chi tiêu vốn							348.499.436
Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư							35.348.896
Khấu hao tài sản cố định vô hình							63.000

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Thanh lý các công ty con

Trong năm, Tổng Công ty chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty CP Sợi Thanh Châu Dệt May Nam Định cho một bên khác.

Trong năm, Tổng Công ty chuyển nhượng 42,65% vốn cổ phần tại Công ty CP May V Dệt May Nam Định cho các bên khác. Theo đó, quyền biểu quyết và sở hữu của Tổng Công ty giảm xuống còn 36%. Công ty CP May V Dệt May Nam Định trở thành công ty liên kết của Tổng Công ty.

Tài sản thuần của các công ty con này tại ngày thanh lý như sau:

	Công ty CP Sợi Thanh Châu Dệt May Nam Định	Công ty CP May V Dệt May Nam Định
<i>Giá trị ghi sổ tại ngày thanh lý:</i>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.534.495	587.277.248
Các khoản phải thu ngắn hạn	18.620.666	7.376.613.568
Hàng tồn kho	49.009.613	4.556.325.345
Tài sản ngắn hạn khác	18.048.185	-
Tài sản cố định hữu hình	7.559.825.791	14.921.453.327
Chi phí trả trước dài hạn	77.538.731	1.291.023.578
Nợ phải trả ngắn hạn	(2.672.291.889)	(21.941.544.835)
Nợ phải trả dài hạn	(378.250.000)	(450.000.000)
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	4.691.035.592	6.341.148.231
Phần tài sản thuần thuộc Tổng Công ty tại ngày mất quyền kiểm soát	4.175.021.677	4.987.601.318
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết tại thời điểm mất quyền kiểm soát	-	(2.282.813.363)
Lãi/(lỗ) từ hoạt động thanh lý ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	897.978.323	(358.787.955)
Giá thanh lý	5.073.000.000	2.346.000.000
Khoản tiền giảm do thanh lý công ty con	(18.534.495)	(587.277.248)
Khoản tiền thuần thu được do thanh lý công ty con	5.054.465.505	1.758.722.752

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tiền mặt	2.183.378.472	1.872.345.160
Tiền gửi ngân hàng	36.548.032.780	31.086.263.104
	38.731.411.252	32.958.608.264

7. Các khoản đầu tư tài chính**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	10.000.000.000	10.000.000.000	91.000.000.000	91.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Trái phiếu (ii)	1.200.000.000	(*)	-	-

(i) Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 12 tháng và hưởng lãi suất dao động từ 6,3% đến 7,2% (2017: từ 1% đến 4,8%) một năm.

(ii) Khoản trái phiếu do ngân hàng phát hành, có kỳ hạn 10 năm và hưởng lãi suất 6,3% một năm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2018			1/1/2018				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:								
▪ Công liên kết								
• Công ty CP May I Dệt May Nam Định	36,00%	36,00%	3.962.254.413	(*)	41,82%	41,82%	3.484.808.934	(*)
• Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	36,92%	36,92%	21.086.168.518	(*)	36,92%	36,92%	25.457.840.189	(*)
• Công ty CP May V Dệt May Nam Định	36,00%	36,00%	2.036.973.372	(*)	-	-	-	-
			<u>27.085.396.303</u>				<u>28.942.649.123</u>	
▪ Đơn vị khác								
• Ngân hàng TMCP Công thương			1.348.555.000	(*)			1.348.555.000	(*)
			<u>28.433.951.303</u>				<u>30.291.204.123</u>	

(*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong năm như sau:

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	28.942.649.123	38.670.767.757
Đầu tư tăng trong năm	692.500.000	-
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư tại thời điểm công ty con chuyển thành công ty liên kết	2.282.813.363	-
Lãi từ các công ty liên kết	13.703.601.142	11.383.231.366
Cổ tức được chia	(18.321.687.500)	(21.111.350.000)
Giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu	(214.479.825)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	27.085.396.303	28.942.649.123

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Bên liên quan		
Công ty CP May V Dệt May Nam Định – Công ty liên kết	2.042.812.500	-
Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Công ty mẹ	7.243.500	1.182.254.004
Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định	1.825.420	19.800.000
Công ty CP May I - Dệt May Nam Định	-	2.587.472.075
Công ty Cổ phần May Nam Định	-	388.064.600
Bên khác		
Công ty CP Thương mại Xuất nhập khẩu Phương Thúy	45.759.280.168	45.213.858.527
Công ty CP Đầu tư Thương mại Hưng Thịnh Phú	15.535.644.101	-
Xiamen Haixia Investment Co., Ltd.	13.793.950.080	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Phát Quảng	10.884.345.833	16.496.000.073
Jiangsu Lianfa Textile Material Co., Ltd	8.368.329.715	-
Shandong Ruyi Technology Group Co., Ltd.	6.999.152.448	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	2.883.059.365	2.883.059.365
Các khách hàng khác	80.935.542.945	78.565.710.754
	<hr/>	<hr/>
	187.211.186.075	147.336.219.398

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Bên liên quan		
Công ty CP May V Dệt May Nam Định (công ty liên kết)	8.800.000.000	-

Các khoản cho vay cấp cho Công ty CP May V Dệt May Nam Định không được đảm bảo và hưởng lãi suất tương đương với lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam tại thời điểm vay là 7,5% một năm.

10. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Phải thu hỗ trợ Dự án di dời Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định (*)	5.793.421.544	2.924.339.219
Phải thu về thanh lý tài sản cố định	3.200.000.000	3.200.000.000
Phải thu tiền lãi cho vay từ các công ty liên kết	748.278.425	-
Ký cược, ký quỹ	669.662.597	1.898.441.179
Cổ tức phải thu các công ty liên kết	571.687.500	-
Tạm ứng	280.766.076	725.161.636
Phải thu khác	1.720.471.872	842.253.920
	12.984.288.014	9.590.195.954

(*) Đây là khoản phải thu Ngân sách Nhà nước liên quan đến các chi phí phát sinh từ Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định về Khu Công nghiệp Hòa Xá, bao gồm chi phí đo vẽ nhà đất, chi phí di dời, chi phí sản xuất chạy thử và các chi phí hỗ trợ doanh nghiệp di dời do ngừng sản xuất. Các khoản chi phí này đã được Sở Tài chính Tỉnh Nam Định phê duyệt và trình Bộ Tài chính xem xét hỗ trợ theo công văn số 2510/STC-ĐT ngày 20 tháng 12 năm 2016 của Sở Tài chính và Quyết định số 86/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tài chính phục vụ di dời các cơ sở gây ô nhiễm môi trường và các cơ sở phải di dời theo quy hoạch xây dựng đô thị.

Trong năm 2017, Bộ Tài chính đã có các công văn trả lời, đồng ý hỗ trợ Tổng Công ty các chi phí đo vẽ nhà đất, chi phí di dời và các chi phí phát sinh do ngừng sản xuất. Tổng Công ty đã ghi giảm khoản phải thu khác tương ứng với số tiền hỗ trợ đã nhận được trong năm. Phần còn lại của khoản phải thu khác tương ứng với các khoản xin hỗ trợ chi phí sản xuất chạy thử vẫn đang được Bộ Tài chính tiếp tục xem xét.

Trong năm 2018, Tổng Công ty tiếp tục chi trả một số chi phí bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt máy móc liên quan đến Dự án di dời này với tổng giá trị là 2.869 triệu VND. Tổng Công ty đang trong quá trình làm thủ tục để xin hỗ trợ khoản chi phí phát sinh thêm này theo các quy định nói trên.

Tại ngày báo cáo, Ban Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng toàn bộ các khoản xin hỗ trợ này sẽ được hoàn lại.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Dự phòng phải thu khó đòi

	Thời gian quá hạn	31/12/2018			1/1/2018		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Bạch Việt	Trên 3 năm	2.883.059.365	(2.883.059.365)	-	Trên 3 năm	2.883.059.365	-
Textile International N.V	Trên 3 năm	118.515.062	(118.515.062)	-	Trên 3 năm	-	-
Công ty TNHH Thương mại Hải Dung	Trên 3 năm	-	-	-	Trên 3 năm	118.515.062	-
	Từ 6 tháng đến 1 năm	-	-	-	Từ 6 tháng đến 1 năm	(41.348.146)	96.479.008
Các khoản phải thu khác	Trên 2 năm	289.853.138	(202.897.197)	86.955.941	Trên 2 năm	395.754.346	52.473.579
Các khoản phải thu khác	Trên 3 năm	1.531.935.422	(1.531.935.422)	-	Trên 3 năm	2.232.152.743	-
		4.823.362.987	(4.736.407.046)	86.955.941		5.767.308.670	148.952.587

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

(5.618.356.083)

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Hàng tồn kho**

	31/12/2018		1/1/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	5.648.629.876	-	5.662.644.761	-
Nguyên vật liệu	116.338.638.526	(2.494.191.142)	64.015.698.500	-
Công cụ và dụng cụ	138.965.048	-	268.372.979	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	52.701.416.033	(224.075.911)	51.028.631.637	-
Thành phẩm	146.318.157.156	(7.723.296.347)	97.674.815.142	(4.157.360.576)
Hàng hóa	40.146.680.227	(633.977.974)	30.200.998.671	(1.718.923.412)
Hàng gửi đi bán	58.233.665	(30.572.674)	58.233.665	-
	361.350.720.531	(11.106.114.048)	248.909.395.355	(5.876.283.988)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có 62.036 triệu VND hàng tồn kho (1/1/2018: 19.873 triệu VND hàng tồn kho) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	204.628.431.435	2.123.884.552	685.261.409.312	32.650.299.121	924.664.024.420
Tăng trong năm	1.058.467.000	-	242.596.945	1.364.934.546	2.665.998.491
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	107.280.086.995	1.153.144.518	262.410.420.941	20.159.514.489	391.003.166.943
Thanh lý	(721.979.075)	-	(28.823.711.904)	(535.262.381)	(30.080.953.360)
Giảm do thanh lý công ty con	(17.727.600.106)	(198.980.000)	(14.971.637.627)	(1.349.847.975)	(34.248.065.708)
Số dư cuối năm	294.517.406.249	3.078.049.070	904.119.077.667	52.289.637.800	1.254.004.170.786
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	55.443.408.555	1.733.516.299	485.257.091.368	11.419.362.262	553.853.378.484
Khấu hao trong năm	15.821.885.866	116.449.753	33.489.304.120	4.255.641.701	53.683.281.440
Thanh lý	(667.538.454)	-	(27.690.113.339)	(535.262.380)	(28.892.914.173)
Giảm do thanh lý công ty con	(4.683.506.640)	(94.636.657)	(6.130.208.488)	(858.434.805)	(11.766.786.590)
Số dư cuối năm	65.914.249.327	1.755.329.395	484.926.073.661	14.281.306.778	566.876.959.161
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	149.185.022.880	390.368.253	200.004.317.944	21.230.936.859	370.810.645.936
Số dư cuối năm	228.603.156.922	1.322.719.675	419.193.004.006	38.008.331.022	687.127.211.625

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 có các tài sản có nguyên giá 250.780 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 260.224 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 544.713 triệu VND (1/1/2018: 270.561 triệu VND) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty và các công ty con (Thuyết minh 24).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	-
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	9.154.831.169
	<hr/>
Số dư cuối năm	9.154.831.169
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	-
Khấu hao trong năm	166.004.380
	<hr/>
Số dư cuối năm	166.004.380
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	-
Số dư cuối năm	8.988.826.789
	<hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, tài sản cố định hữu hình thuê tài chính với giá trị còn lại là 8.989 triệu VND (1/1/2018: Không) được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (Thuyết minh 24).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	14.665.958.408
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	831.565.455
Thanh lý	(341.101.872)
	<hr/>
Số dư cuối năm	15.156.421.991
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	5.784.335.199
Khấu hao trong năm	879.927.196
Thanh lý	(317.532.852)
	<hr/>
Số dư cuối năm	6.346.729.543
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	8.881.623.209
Số dư cuối năm	8.809.692.448
	<hr/>

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty và các công ty con bao gồm:

- Văn phòng cho thuê tại số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;
- Ki-ốt cho thuê tại số 43 Tô Hiệu, Phường Ngô Quyền, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam; và
- Nhà khách Dệt tại Phố Nguyễn Hiền và Phố Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty và các công ty con không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định giá trị hợp lý cho loại bất động sản đầu tư này một cách đáng tin cậy.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Xây dựng cơ bản dở dang**

	2018 VND	2017 VND
Số dư đầu năm	327.192.461.567	133.330.931.503
Tăng trong năm	108.435.697.948	374.574.264.231
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(391.003.166.943)	(168.276.638.021)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(831.565.455)	(2.098.032.252)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	(318.422.028)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(11.596.255.668)	(10.330.063.894)
Chuyển sang tài sản cố định thuê tài chính	(9.154.831.169)	-
Biến động khác	-	(8.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	22.723.918.252	327.192.461.567

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
San nền và giải phóng mặt bằng ở Khu Công nghiệp Hòa Xá	13.262.879.215	13.077.730.130
Dự án Nhà máy May Yên Bình	5.013.367.135	4.379.346.226
Dự án Nhà máy Nhuộm và Nhà máy Động lực	577.844.086	337.053.941
Dự án Nhà máy Sợi 3 - 12 vạn cọc	-	308.791.031.966
Các công trình khác	3.869.827.816	607.299.304
	<hr/>	<hr/>
	22.723.918.252	327.192.461.567

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 4.342 triệu VND (2017: 4.580 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, không có công trình xây dựng cơ bản dở dang nào được thế chấp tại các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty (1/1/2018: 302.076 triệu VND).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Công cụ và dụng cụ	246.827.415	2.208.585.993
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	59.448.561	148.208.293
	306.275.976	2.356.794.286

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí thuê máy móc và thiết bị VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	3.400.998.312	10.450.598.024	263.860.362	3.775.902.864	17.891.359.562
Tăng trong năm	-	3.226.154.157	336.750.000	9.022.764.253	12.585.668.410
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	11.596.255.668	-	-	11.596.255.668
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(191.505.680)	-	-	(191.505.680)
Phân bổ trong năm	(2.121.040.096)	(8.255.625.370)	(216.792.653)	(3.549.224.352)	(14.142.682.471)
Giảm do thanh lý công ty con	-	(1.291.023.578)	-	(77.538.731)	(1.368.562.309)
Số dư cuối năm	1.279.958.216	15.534.853.221	383.817.709	9.171.904.034	26.370.533.180

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Thuế suất	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:			
Tài sản cố định	20%	239.350.167	453.395.791
Các khoản mục khác	20%	18.194.785	92.753.212
		<hr/>	<hr/>
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		257.544.952	546.149.003
		<hr/>	<hr/>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:			
Các khoản dự phòng	20%	(793.700.757)	-
		<hr/>	<hr/>
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		(793.700.757)	-
		<hr/>	<hr/>
(Thuế thu nhập hoãn lại phải trả)/tài sản thuế thu nhập hoãn lại thuần		(536.155.805)	546.149.003
		<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Bên liên quan		
Ông Phạm Quốc Tuấn (Phó Giám đốc một công ty con)	1.169.760.100	4.450.514.469
Công ty CP Sợi Phú Bài	-	56.161.618
Bên khác		
Osc Cotton Trading L.L.C	18.189.804.525	-
Agrocorp International Pte., Ltd	14.777.567.424	-
Ecom Agroindustrial Corporation Ltd	14.712.728.088	-
Công ty CP Xây dựng BYD Việt Nam	10.645.605.894	11.946.057.250
Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại Đông Tiến Hưng	5.027.848.445	-
Doanh nghiệp Tư nhân Ngọc Đạt	4.196.681.550	5.326.404.777
Cargill Cotton Limited	-	68.203.934.190
Các nhà cung cấp khác	48.210.515.405	97.358.982.407
	116.930.511.431	187.342.054.711

Khoản phải trả thương mại các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	99.952.862.000	164.328.915.454
Dài hạn	16.977.649.431	23.013.139.257
	116.930.511.431	187.342.054.711

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số tăng phải thu trong năm VND	Số phát sinh trong năm VND	Giảm do thanh lý công ty con VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	471.649.574	51.703.680.336	(50.175.329.910)	-	2.000.000.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp	668.475.116	421.898.245	-	(18.048.185)	1.072.325.176
Các loại thuế khác	20.749.939	103.832.000	(100.961.549)	-	23.620.390
	1.160.874.629	52.229.410.581	(50.276.291.459)	(18.048.185)	3.095.945.566

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2018 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/được khấu trừ trong năm VND	Giảm do thanh lý công ty con VND	31/12/2018 VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	2.539.418.066	31.916.954.952	(32.752.836.460)	(98.196.880)	1.605.339.678
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	18.448.796.953	(18.416.019.016)	-	32.777.937
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.487.238	4.306.102.408	(2.924.557.599)	-	1.397.032.047
Thuế thu nhập cá nhân	78.927.058	326.791.811	(358.104.651)	(74.500)	47.539.718
Tiền thuế đất	-	5.156.154.018	(4.990.901.844)	(60.010.005)	105.242.169
Các loại thuế khác	181.853.911	1.434.202.024	(1.586.029.655)	-	30.026.280
	2.815.686.273	61.589.002.166	(61.028.449.225)	(158.281.385)	3.217.957.829

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.129.253.247	435.433.830
Chi phí điện, nước phải trả	891.730.506	835.105.348
Chi phí khác	317.379.036	654.593.654
	<hr/>	<hr/>
	2.338.362.789	1.925.132.832
	<hr/>	<hr/>

22. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn là doanh thu nhận trước từ hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư.

23. Phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	1.724.794.702	869.748.883
Cổ tức phải trả	2.285.510.000	1.605.639.096
Chi phí lãi vay phải trả bên liên quan	1.943.329.139	52.300.525
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	300.847.970	1.214.035.913
	<hr/>	<hr/>
	6.254.481.811	3.741.724.417
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định (*)	14.212.500.000	26.212.500.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	119.423.822	119.423.822
	<hr/>	<hr/>
	14.331.923.822	26.331.923.822
	<hr/>	<hr/>

(*) Đây là số tiền ứng trước từ Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định cho mục đích đền bù tài sản trên đất và hỗ trợ di dời của Dự án di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vay và nợ thuế tài chính

(a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn

	1/1/2018		Biến động trong năm		31/12/2018	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	349.978.409.991	1.046.022.348.518	(923.348.368.085)	(1.887.543.840)	470.764.846.584	
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 24(b))	7.394.996.259	61.450.888.349	(7.394.996.259)	-	61.450.888.349	
Nợ gốc thuế tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 24(b))	-	1.076.072.271	-	-	1.076.072.271	
	357.373.406.250	1.108.549.309.138	(930.743.364.344)	(1.887.543.840)	533.291.807.204	

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Bên khác				
Vay ngân hàng 1	USD	3,5% - 4%	177.579.686.325	84.347.220.592
Vay ngân hàng 2	USD	3,5% - 4%	80.294.623.795	66.088.857.392
Vay ngân hàng 3	USD	4,2%	77.730.089.898	5.277.729.273
Vay ngân hàng 4	USD	4,5% - 4,7%	31.721.691.634	-
Vay ngân hàng 5	USD	4,5%	28.638.466.080	-
Vay ngân hàng 6	VND	6%	26.794.971.676	36.344.311.333
Vay ngân hàng 7	VND	8%	20.000.000.000	22.180.320.000
Vay ngân hàng 8	VND	7,4%	7.965.841.115	38.631.802.726
Vay ngân hàng 9	VND	8%	-	32.939.866.984
Vay ngân hàng 10	USD	4,5%	-	18.639.602.657
Vay ngân hàng 11	VND	7,5%	-	439.055.760
Vay cá nhân	VND	5,16% - 7,5%	20.039.476.061	45.089.643.274
			470.764.846.584	349.978.409.991

Khoản vay từ các ngân hàng được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình của Tổng Công ty và các công ty con với giá trị ghi sổ là 44.199 triệu VND (1/1/2018: 61.421 triệu VND).

Khoản vay từ các cá nhân không được đảm bảo.

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Vay dài hạn (i)	519.224.531.278	460.042.942.111
Nợ thuê tài chính dài hạn (ii)	6.830.438.625	-
	526.054.969.903	460.042.942.111
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng (Thuyết minh 24(a))	(62.526.960.620)	(7.394.996.259)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	463.528.009.283	452.647.945.852

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(i) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Bên liên quan					
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	VND	8,8%	2023	64.999.388.608	64.999.388.608
Tập đoàn Dệt May Việt Nam (**)	USD	LIBOR + 0,7%	2036	136.867.416.361	134.052.944.328
Bên khác					
Vay từ ngân hàng 1 (***)	VND	10,7%-11%	2027	101.383.335.527	89.215.170.950
Vay từ ngân hàng 2	USD	4,85%-5,2%	2024	45.128.657.999	19.307.214.558
Vay từ ngân hàng 3	USD	6,5%	2022	-	260.997.800
Vay từ ngân hàng 4	USD	4,5%	2024	-	737.935.740
Vay từ ngân hàng 5	VND	10%	2021	-	150.000.000
Vay từ ngân hàng 6	VND	9%	2020	3.468.300.500	4.955.910.500
Vay từ ngân hàng 7 (***)	USD	5%	2027	167.377.432.283	145.638.089.627
Vay từ ngân hàng 8	VND	10%	2022	-	235.040.000
Vay từ ngân hàng 9	VND	10%	2021	-	490.250.000
				519.224.531.278	460.042.942.111

(*) Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

(**) Đây là khoản vay được Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho vay lại nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á (“ADB”). Khoản vay này bằng USD, có hạn mức là 6 triệu USD và được đảm bảo bằng một số tài sản cố định của Tổng Công ty với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 124.365 triệu VND (1/1/2018: 133.647 triệu VND).

(***) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình là toàn bộ máy móc, thiết bị hình thành từ Dự án Nhà máy Sợi 3 - 12 vạn cọc, với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 325.718 triệu VND (1/1/2018: xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ là 302.076 triệu VND).

Các khoản vay ngân hàng còn lại được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 50.431 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (1/1/2018: 75.493 triệu VND) (Thuyết minh 13).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các khoản nợ thuê tài chính

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2018			1/1/2018		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	1.118.577.126	42.504.855	1.076.072.271	-	-	-
Trong vòng hai đến năm năm	4.474.308.503	170.019.419	4.304.289.084	-	-	-
Sau năm năm	1.507.355.322	57.278.052	1.450.077.270	-	-	-
	7.100.240.951	269.802.326	6.830.438.625	-	-	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, trong nợ thuê tài chính có số nợ gốc ngoại tệ xấp xỉ 294.035 USD.

Khoản vay nợ thuê tài chính này được đảm bảo bằng một số tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 8.989 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 (Thuyết minh 14).

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tổng Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tổng Công ty và các công ty con. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	31/12/2018 VND	1/1/2018 VND
Số dư đầu năm	2.157.950.639	2.347.520.374
Trích lập trong năm	1.706.805.637	1.058.498.366
Sử dụng trong năm	(1.338.452.340)	(1.248.068.101)
Số dư cuối năm	2.526.303.936	2.157.950.639

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	136.000.000.000	(12.175.488)	13.439.180.498	29.762.396.610	14.262.162.440	193.451.564.060
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	37.594.893.600	1.242.530.140	38.837.423.740
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(940.411.694)	(118.086.672)	(1.058.498.366)
Phân bổ vào các quỹ khác	-	-	10.992.348.490	(10.916.818.105)	(75.530.385)	-
Cổ tức (Thuyết minh 28)	-	-	-	(7.480.000.000)	(1.242.831.637)	(8.722.831.637)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018	136.000.000.000	(12.175.488)	24.431.528.988	48.020.060.411	14.068.243.886	222.507.657.797
Góp vốn	-	-	-	-	2.684.500.000	2.684.500.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	12.461.772.818	1.533.314.874	13.995.087.692
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.593.362.747)	(113.442.890)	(1.706.805.637)
Phân bổ vào các quỹ khác	-	-	36.919.824.004	(36.817.506.937)	(102.317.067)	-
Cổ tức (Thuyết minh 28)	-	-	-	(8.160.000.000)	(1.089.770.000)	(9.249.770.000)
Giảm do thanh lý công ty con	-	-	-	-	(1.869.560.828)	(1.869.560.828)
Ảnh hưởng của việc mua thêm vốn cổ phần trong một công ty con từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	210.860.536	(1.677.600.536)	(1.466.740.000)
Giảm do giảm tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	(123.374.502)	123.374.502	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	136.000.000.000	(12.175.488)	61.351.352.992	13.998.449.579	13.556.741.941	224.894.369.024

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tổng Công ty là:

	31/12/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	13.600.000	136.000.000.000	13.600.000	136.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

Vốn cổ phần chi tiết theo các cổ đông lớn như sau:

	31/12/2018 và 1/1/2018		
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số vốn góp VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	7.299.700	53,67	72.997.000.000
Bà Trung Thị Nga	719.000	5,29	7.190.000.000
Các cổ đông khác	5.581.300	41,04	55.813.000.000
	13.600.000	100	136.000.000.000

28. Cổ tức

Ngày 21 tháng 4 năm 2018, Đại hội đồng Cổ đông của Tổng Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 8.160 triệu VND cho các cổ đông (2017: 7.480 triệu VND).

29. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Trong vòng một năm	487.786.750	-
Từ hai đến năm năm	7.804.588.000	6.991.610.083
Sau năm năm	56.908.454.167	58.697.005.583
	<hr/>	<hr/>
	65.200.828.917	65.688.615.666
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.254.982	29.059.203.051	191.731	4.338.119.303
EUR	450	11.877.561	339	9.179.988
		<hr/>		<hr/>
		29.071.080.612		4.347.299.291
		<hr/>		<hr/>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán hợp nhất:

	31/12/2018	1/1/2018
	VND	VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng:		
▪ Đầu tư bổ sung máy móc, thiết bị	95.510.000.000	4.500.000.000
▪ Dự án di dời Tổng công ty ra Khu Công nghiệp Hòa Xá	23.130.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	118.640.000.000	4.500.000.000
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2018 VND	2017 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	831.879.584.267	665.045.933.852
▪ Cung cấp dịch vụ	21.008.369.880	27.064.766.565
▪ Dịch vụ gia công	183.337.532.785	147.314.555.662
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	3.706.241.875	2.893.328.152
▪ Doanh thu khác	1.020.838.785	1.815.688.259
	<hr/> 1.040.952.567.592	<hr/> 844.134.272.490
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(569.692.184)	(14.006.916)
▪ Chiết khấu thương mại	-	(10.233.412)
	<hr/> (569.692.184)	<hr/> (24.240.328)
Doanh thu thuần	<hr/> <hr/> 1.040.382.875.408	<hr/> <hr/> 844.110.032.162

32. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2018 VND	2017 VND
Hàng hóa và thành phẩm đã bán	760.094.980.690	617.326.054.120
Dịch vụ đã cung ứng	7.560.514.309	10.555.205.380
Dịch vụ gia công	159.485.441.992	138.627.202.162
Bất động sản đầu tư cho thuê	1.726.146.034	1.361.920.263
Giá vốn khác	1.016.143.804	1.745.441.740
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	5.229.830.060	3.825.349.155
	<hr/> 935.113.056.889	<hr/> 773.441.172.820

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Doanh thu hoạt động tài chính

	2018 VND	2017 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	2.375.984.872	6.232.219.629
Cổ tức được chia	-	156.148.200
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.587.003.298	4.266.006.104
Lãi từ thanh lý công ty con	897.978.323	256.952.556
Doanh thu khác	130.364.968	144.336
	<hr/> 7.991.331.461	<hr/> 10.911.470.825 <hr/>

34. Chi phí tài chính

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lãi vay	42.867.475.514	31.507.491.626
Lỗ chênh lệch tỷ giá	16.720.194.223	4.408.964.329
Lỗ từ thanh lý khoản đầu tư	358.787.955	-
Lỗ do giảm tỷ lệ sở hữu trong công ty liên kết	214.479.825	-
Chi phí tài chính khác	4.606.372	20.967.948
	<hr/> 60.165.543.889	<hr/> 35.937.423.903 <hr/>

35. Chi phí bán hàng

	2018 VND	2017 VND
Chi phí vận chuyển	5.495.983.494	4.776.232.413
Chi phí lương nhân viên	-	159.701.494
Chi phí đại lý bán hàng	1.669.054.370	1.600.471.017
Chi phí xuất khẩu	3.162.762.914	3.703.289.380
Chi phí bán hàng khác	2.077.059.913	2.375.022.994
	<hr/> 12.404.860.691	<hr/> 12.614.717.298 <hr/>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

36. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2018 VND	2017 VND
Chi phí lương nhân viên	20.288.381.145	17.132.885.291
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(881.949.037)	218.316.880
Chi phí phân bổ trả trước	1.247.264.248	4.123.259.836
Chi phí khấu hao	1.461.366.391	592.538.543
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	13.461.083.961	9.835.064.277
	<hr/> 35.576.146.708	<hr/> 31.902.064.827

37. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố

	2018 VND	2017 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	255.126.913.691	209.809.464.654
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	240.219.647.847	185.650.064.827
Chi phí nhân công	216.014.921.123	194.579.314.736
Chi phí khấu hao và phân bổ	56.913.253.112	37.955.460.459
Chi phí dịch vụ mua ngoài	188.403.562.883	119.607.272.454
Chi phí khác	55.983.794.662	50.407.234.529
	<hr/> 2.111.665.043.108	<hr/> 1.787.743.836.059

38. Thuế thu nhập**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	2018 VND	2017 VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	4.373.334.747	7.407.643.266
Dự phòng thừa trong những năm trước	(67.232.339)	-
	<hr/> 4.306.102.408	<hr/> 7.407.643.266
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	1.082.304.808	529.689.908
	<hr/> 5.388.407.216	<hr/> 7.937.333.174

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2018 VND	2017 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	19.383.494.908	46.774.756.914
Thuế tính theo thuế suất của Tổng Công ty	3.876.698.982	9.354.951.383
Chi phí không được khấu trừ thuế	4.526.896.332	952.210.205
Thu nhập không bị tính thuế	(207.235.531)	(31.229.640)
Ảnh hưởng của phần lãi được chia từ các công ty liên kết	(2.740.720.228)	(2.276.646.273)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	-	(61.952.501)
Dự phòng thừa trong những năm trước	(67.232.339)	-
	5.388.407.216	7.937.333.174

(c) Thuế suất áp dụng

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất được quy định theo luật thuế hiện hành.

39. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 12.461.772.818 VND (2017: 37.594.893.600 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 13.600.000 cổ phiếu (2017: 13.600.000 cổ phiếu).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi do chưa chắc chắn về kết quả hoạt động kinh doanh của cả năm 2018. Nếu Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng và phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tổng Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2018 VND	2017 VND
Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.056.855.671	1.459.211.504
Vay	-	113.725.000.000
Chi phí lãi vay	5.719.946.202	3.523.232.900
Mua hàng hóa	4.631.315.174	-
Lãi vay và phí nhập gốc vay	2.814.472.033	684.224.303
Các bên liên quan khác		
Công ty CP Phát triển Đô thị Dệt May Nam Định		
Bán hàng hóa	44.083.572	47.872.697
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định	-	976.416.320
Công ty CP May V Dệt May Nam Định (từ ngày 1 tháng 10 năm 2018)		
Khoản cho vay	4.900.000.000	12.200.000.000
Nhận hoàn trả khoản vay	3.500.000.000	12.210.000.000
Thu nhập lãi vay	128.588.758	552.704.940
Lãi do người mua chậm trả	42.812.500	212.437.500
Bán hàng hóa	272.586.140	1.160.535.088
Công ty CP Bông Miền Bắc		
Cổ tức	-	40.000.000
Thoái vốn	-	428.047.444
Công ty CP Sợi Phú Bài		
Biếu tặng máy móc thiết bị	-	307.943.618
Công ty CP May Nam Định		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	2.261.156.276
Công ty CP May I Dệt May Nam Định		
Cung cấp dịch vụ	1.868.406.075	2.757.809.261
Đầu tư vào công ty liên kết	692.500.000	-
Mua hàng hóa dịch vụ	-	2.389.000
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc		
Lương và thù lao đã trả	799.250.316	666.736.673

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

41. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2018	2017
	VND	VND
Bù trừ khoản phải trả với cổ tức phải thụ	12.283.620.000	15.000.000.000
Lãi vay và phí nhập gốc vay	2.814.472.033	684.224.303

42. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ngày 30 tháng 3 năm 2019

Người lập:

Trần Quang Thắng
Người lập

Người duyệt:

Vũ Ngọc Tuấn
Kế toán trưởng

TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN
DỆT MAY
NAM ĐỊNH

Nguyễn Văn Miêng
Tổng Giám đốc